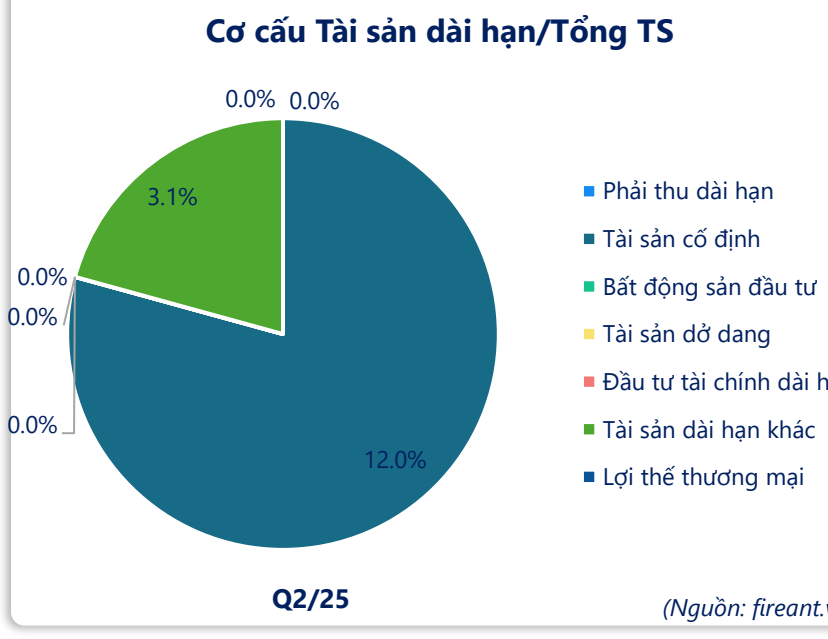
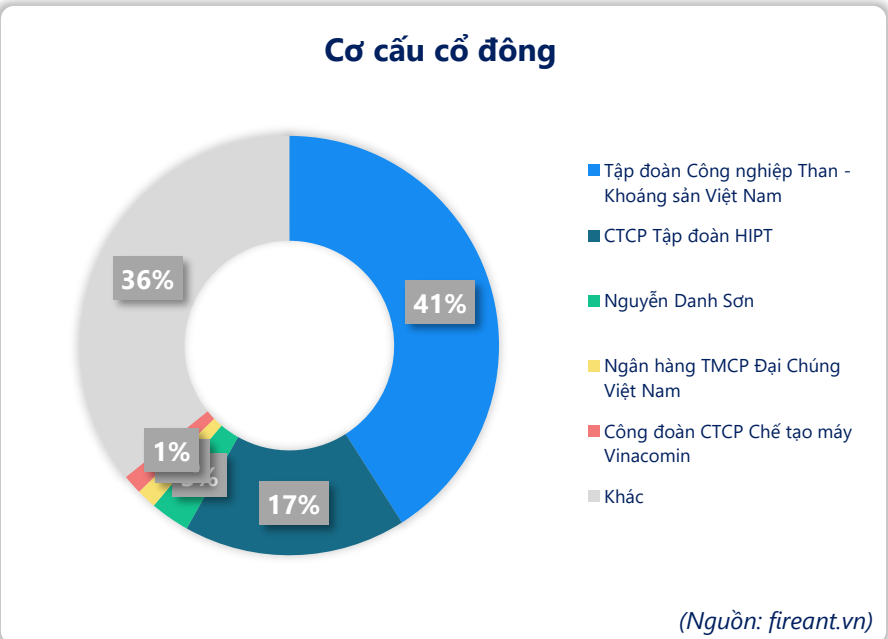
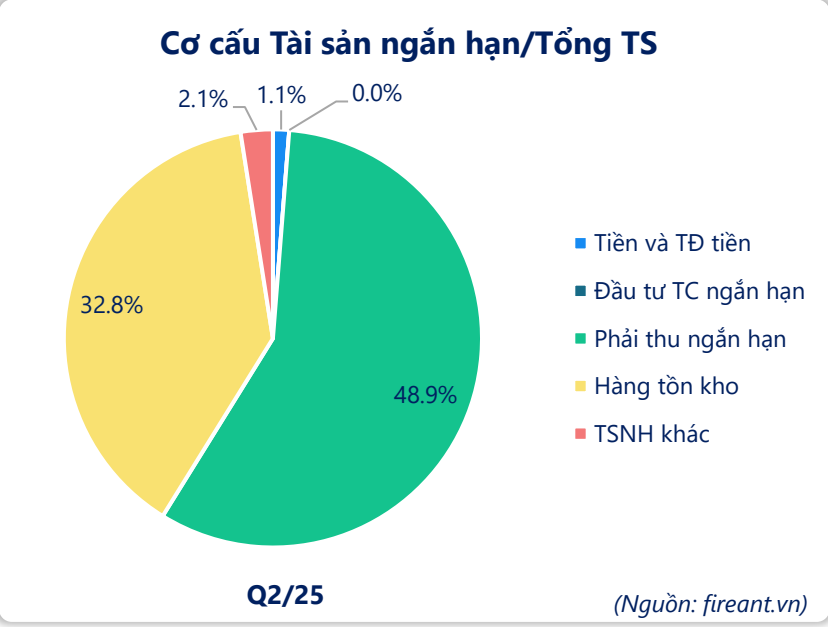
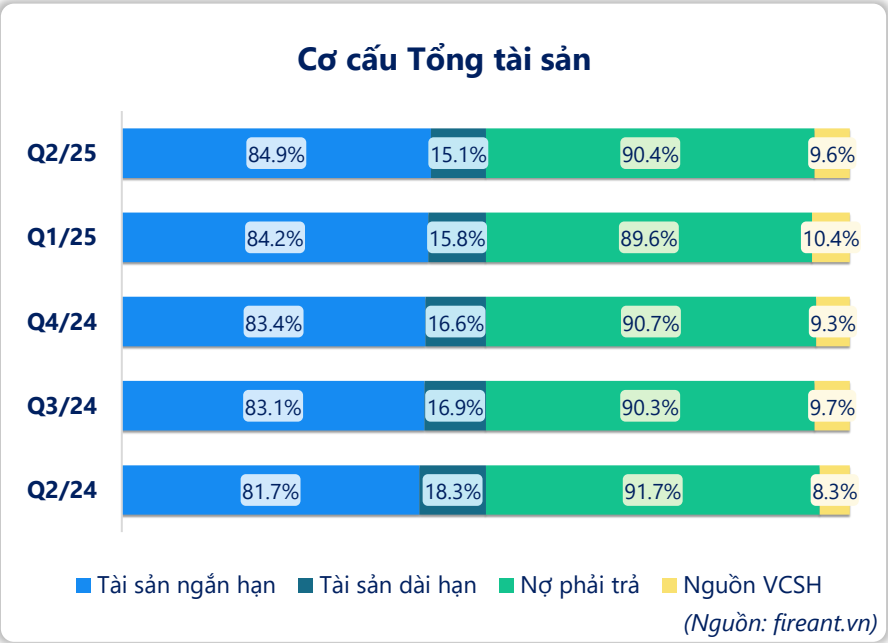
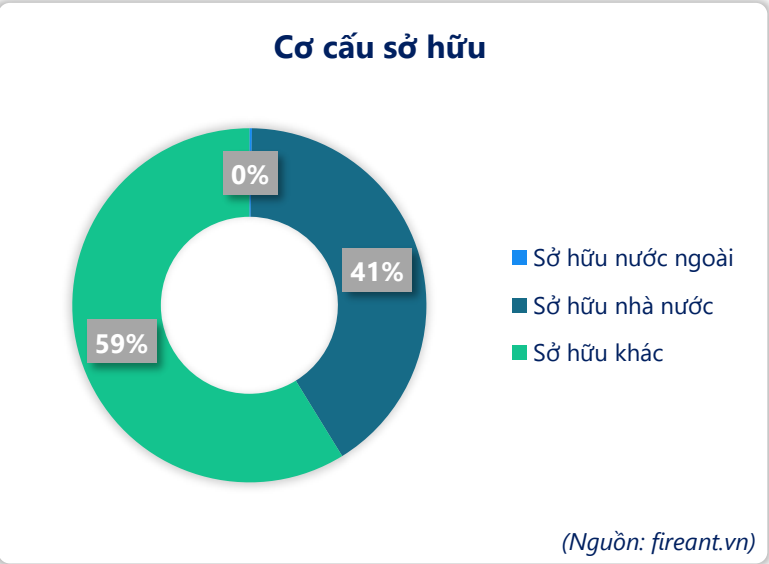
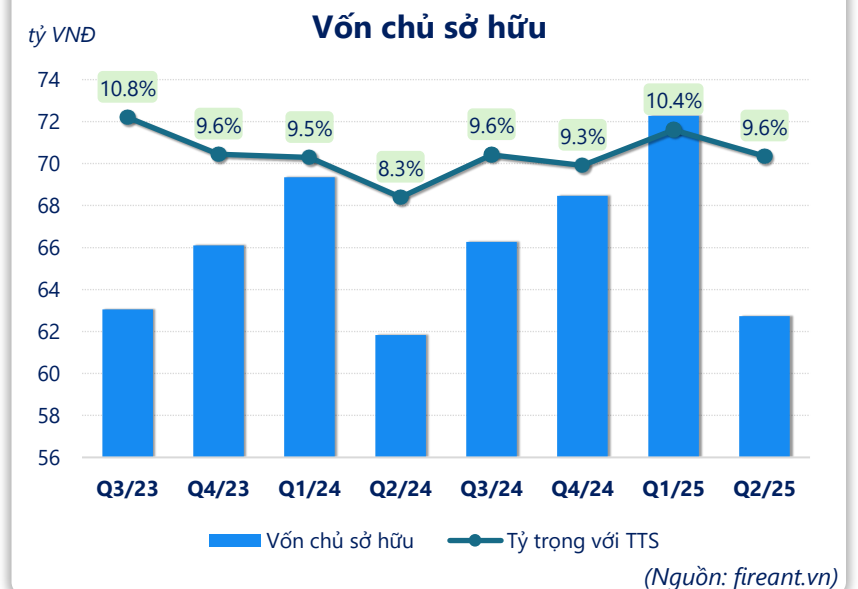
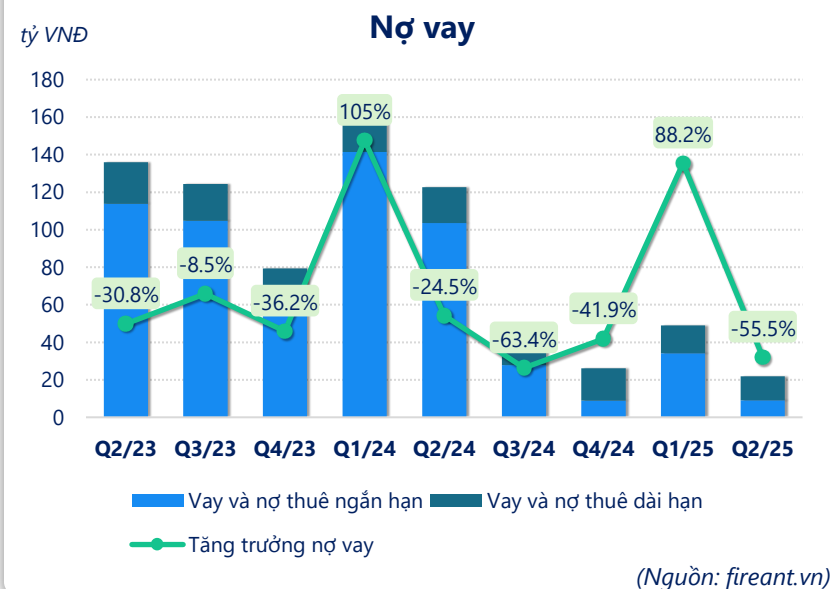
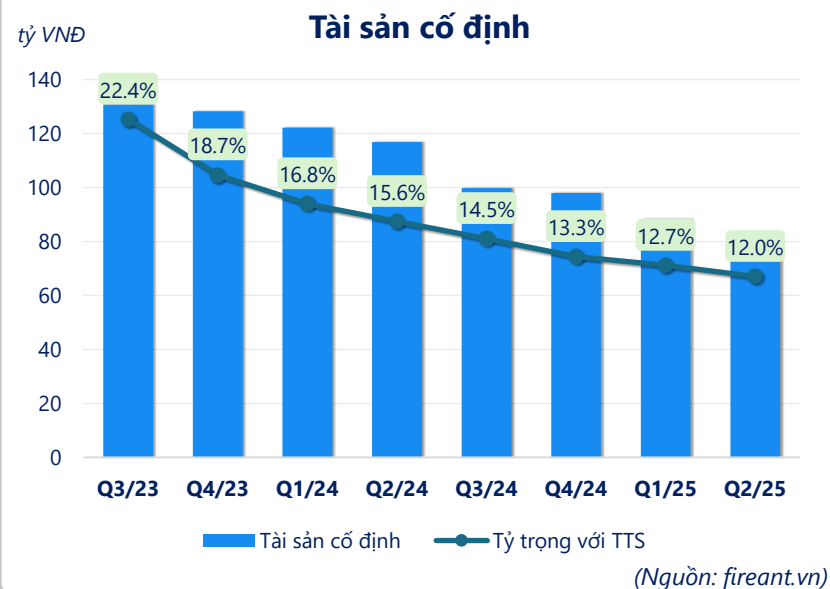
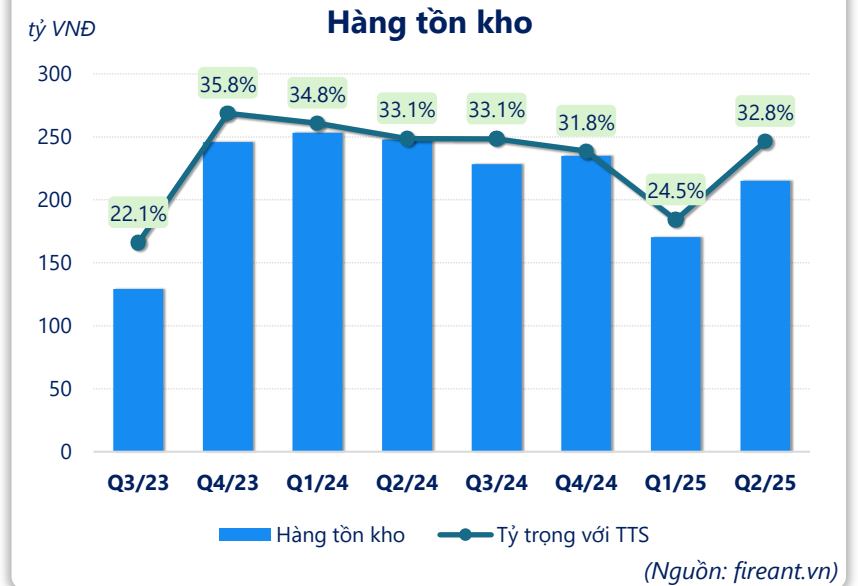
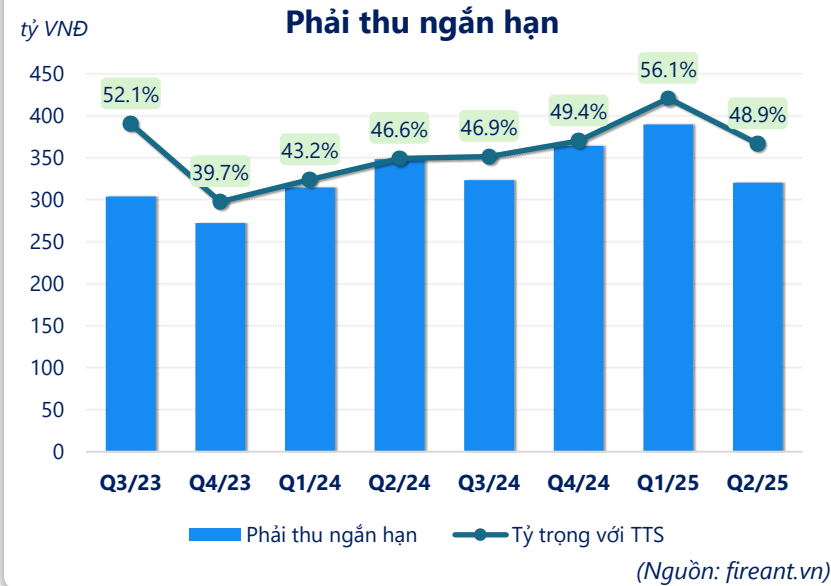
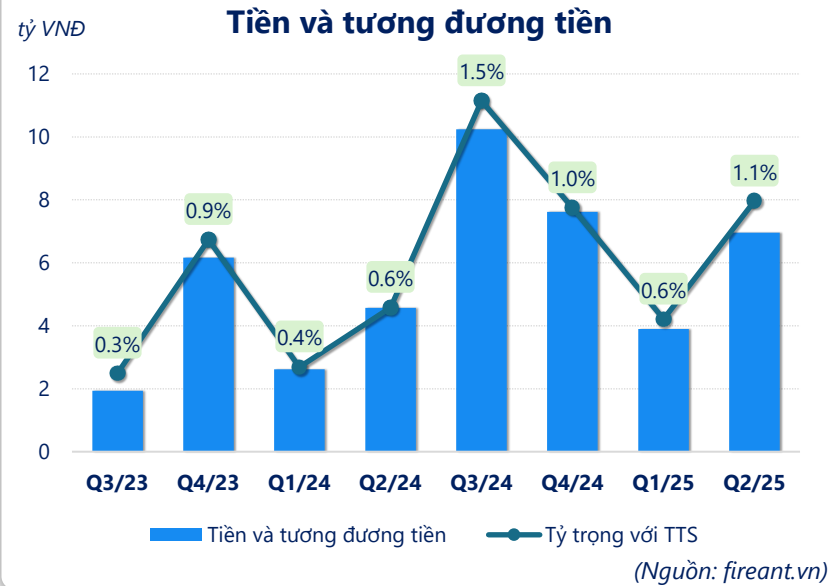
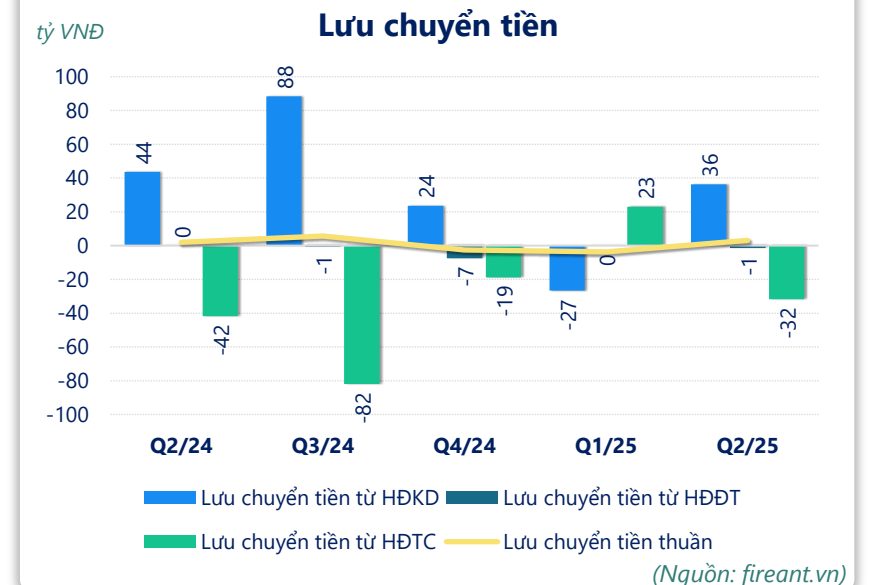
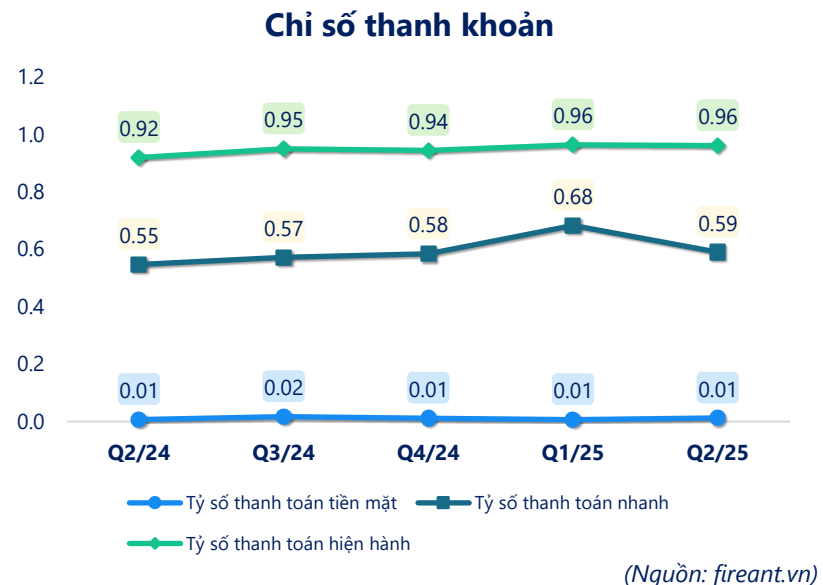
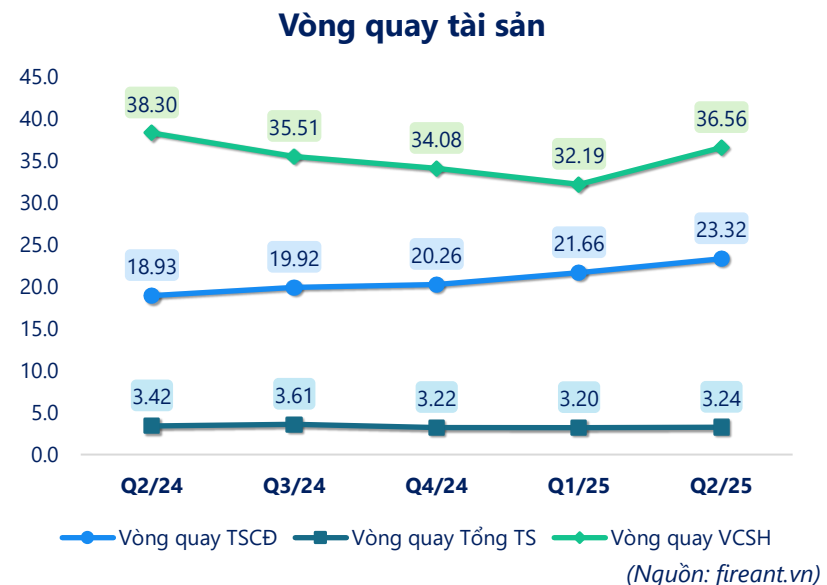
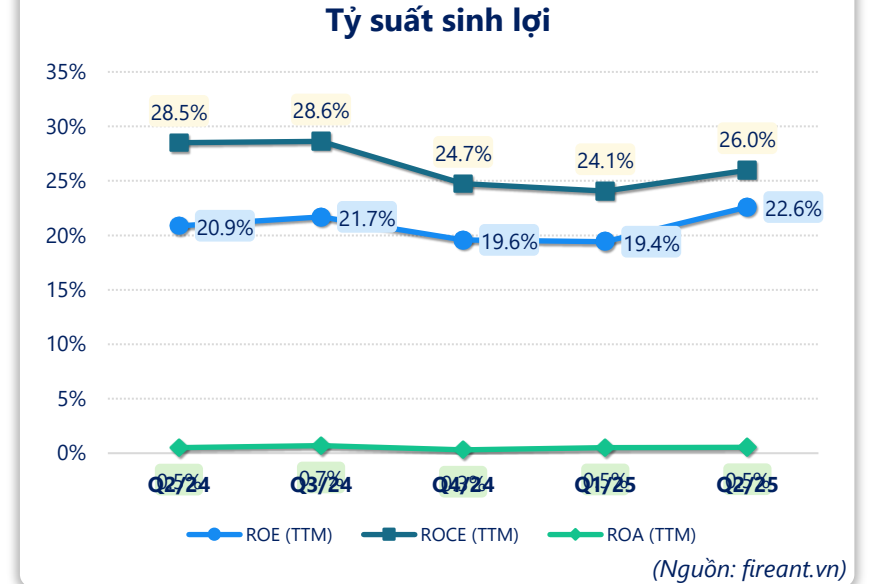
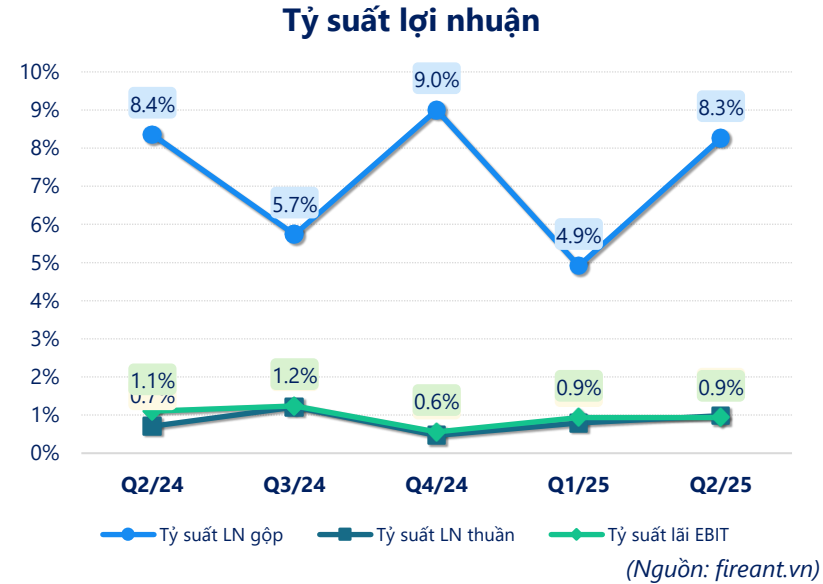
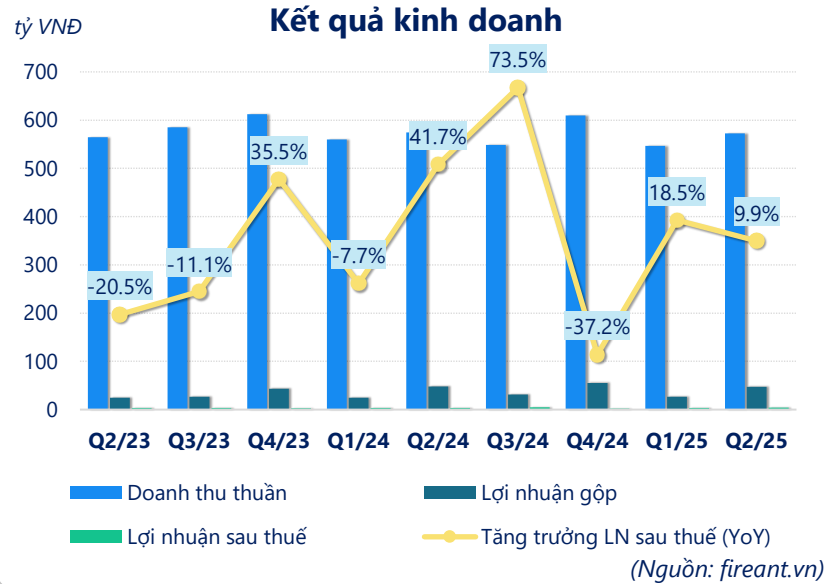


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		17,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		13,725
SL cổ phiếu LH		4,697,351
KLGD BQ 20 phiên (CP)		35
% sở hữu nước ngoài		0.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		83
P/E		5.9
EPS		2,996

	YTD	1T	3T	6T
CTT	24.7%	14.7%	15.4%	24.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	655	737	-11.1%
Tài sản ngắn hạn	556	614	-9.5%
Tiền và tương đương tiền	6.95	7.62	-8.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	320	364	-11.9%
Hàng tồn kho	215	234	-8.1%
Tài sản ngắn hạn khác	13.8	8.88	55.6%
Tài sản dài hạn	99.0	123	-19.5%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	78.5	98.0	-20.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	20.5	25.0	-17.8%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	592	669	-11.5%
Nợ ngắn hạn	579	652	-11.1%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	9.05	8.85	2.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	499	562	-11.2%
Nợ dài hạn	12.8	17.2	-25.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	12.8	17.2	-25.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	63.2	68.6	-7.9%
Vốn chủ sở hữu	62.7	68.6	-8.6%
Vốn điều lệ	47.0	47.0	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.45	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	574	549	609	547	572
Giá vốn hàng bán	526	517	555	520	525
Lợi nhuận gộp	48.0	31.5	54.8	26.8	47.3
Doanh thu HĐTC	0.14	-0.17	0.17	0.02	0.10
Chi phí TC	2.03	1.02	0.57	0.50	0.62
Chi phí lãi vay	2.03	1.02	0.57	0.50	0.62
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	22.4	3.80	15.5	3.32	7.29
Chi phí QLDN	19.6	19.9	36.1	18.7	33.8
LN thuần từ HĐKD	4.08	6.64	2.84	4.33	5.65
Lợi nhuận khác	0.22	-0.85	-0.01	0.26	-0.94
LN trước thuế	4.30	5.79	2.83	4.59	4.71
Lợi nhuận sau thuế	3.44	4.43	2.20	3.67	3.77
LNST của CĐ cty mẹ	3.44	4.43	2.20	3.67	3.77

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	43.6	88.3	23.6	-26.7	36.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.16	-0.64	-7.43	-0.04	-1.40
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-41.8	-82.0	-18.8	23.0	-31.8
Tiền đầu kỳ	2.61	4.57	10.2	7.62	3.90
Lưu chuyển tiền thuần	1.96	5.67	-2.62	-3.72	3.06
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	4.57	10.2	7.62	3.90	6.95

(Nguồn: fireant.vn)